

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM - PT

Ngày: 20 - 04 - 2022

V/v: Yêu cầu thanh toán tiền

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Quang Tuấn

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Ngọc Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình:** Bà Nguyễn Thị Phụng  
- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 04 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLPT- KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc Yêu cầu thanh toán tiền. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2021/KDTM - ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/QĐPT - TA ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần V. Địa chỉ: số 63, đường Trần Quang Diệu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật:* ông Nguyễn Ngọc H - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Bùi Hữu Th, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tầng 25 tòa nhà ICON4, số 243A Đ, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Công ty cổ phần HS. Địa chỉ: tổ 01, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. *Người đại diện theo pháp luật:* ông Nguyễn Nam Ch - Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:*

+ Bà Vũ Thị H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 12, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

+ Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 10, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH đầu tư BOT B. Địa chỉ: Tổ dân phố Huỳnh Trung, KV H, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định. *Người đại diện theo pháp luật*: ông Nguyễn Thanh Th - Tổng giám đốc

+ Ban quản lý dự án đường H. Địa chỉ: số 106 Thái Thịnh, quận Đ, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật*: ông Nguyễn Vũ Q – Trưởng ban.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Công ty cổ phần V.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 01 năm 2018 và ý kiến của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm:*

Từ năm 2014 đến năm 2015, Công ty cổ phần V (gọi tắt là Công ty 1) và Công ty cổ phần HS (gọi tắt là Công ty HS) đã ký 03 hợp đồng mua bán, 01 hợp đồng thuê dàn máy thiết bị rải thảm bê tông nhựa và 02 hợp đồng thi công xây dựng, cụ thể: Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/2015 ngày 10/2/2015 về việc mua bán sản phẩm bê tông nhựa nóng (BTN C12,5 và BTNC19): Giá trị hợp đồng tạm tính là 77.715.939.000đ; Hợp đồng kinh tế số 22/HĐKT/2015 ngày 10/2/2015 về việc mua bán sản phẩm bê tông nhựa nóng (BTN C12,5 và BTNC19): Giá trị hợp đồng tạm tính là 27.062.457.000đ; Hợp đồng mua bán số 252/HĐKT ngày 10/2/2015 về việc cung cấp vật liệu xây dựng phục vụ cho công trình dự án nâng cấp, cải tạo mở rộng QL1, giá trị hợp đồng tạm tính: 8.836.275.000đ; Hợp đồng số 20/HĐKT/168 – HS ngày 20/8/2014 cho thuê dàn máy thiết bị rải thảm bê tông nhựa. Giá trị hợp đồng tạm tính: 6.075.000.000đ; Hợp đồng kinh tế số 112/HĐKT/2014 ngày 01/12/2014 về việc nhận thi công toàn bộ phần đào nền đá cấp 3 thuộc gói thầu số 07 tại xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Giá trị hợp đồng tạm tính là 23.701.290.000đ và Hợp đồng kinh tế số 1002/HS - 68 ngày 10/2/2015 về việc nhận thi công một phần còn lại khối lượng nền, mặt đường và công trình trên tuyến thuộc gói thầu 08 dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1. Giá trị hợp đồng tạm tính là 26.462.115.000đ. Tổng giá trị các hợp đồng đã ký kết là 165.810.170.911đ. Tổng giá trị Công ty 1 đã thực hiện là 145.108.031.821. Tổng giá trị đã được hai bên xác nhận tại công trường và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty HS là 136.719.401.993đ. Theo thỏa thuận các hợp đồng đã ký kết: Công ty HS có trách nhiệm thanh toán cho Công ty 1 khi hai bên có đủ hồ sơ quyết toán.

Theo đơn khởi kiện thì Công ty HS còn chậm thanh toán của 05 hợp đồng với số tiền là 22.349.153.123đ, trong đó gốc 17.193.508.115đ và lãi 5.165.645.008đ (tính từ ngày 31/3/2016 đến 25/1/2018). Cụ thể: theo hợp đồng số 15, 22 và 252, Công ty HS còn phải thanh toán cho Công ty 1 là 11.436.874.601; theo hợp đồng số 112 và 1002 Công ty HS còn phải thanh toán cho Công ty 1 là 5.756.633.514đ. Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty 1 yêu cầu Công ty HS phải thanh toán số tiền 14.985.294.357đ theo 05 hợp đồng đã ký kết và lãi suất do chậm thanh toán theo quy định là 7.252.684.787đ.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty HS trình bày:* Công ty HS thừa nhận có việc ký kết 06 hợp đồng kinh tế với Công ty 1 (đó là hợp đồng số 22, 252, 15, 20, 112 và 1002) phục vụ cho công trình gói thầu số 07 và 08 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn km 1212 + 400 – km 1265 + 000 tỉnh Bình Định, tỉnh Phú Yên theo hình thức hợp đồng BOT. Tổng giá trị mà Công ty 1 xuất hóa đơn là 136.719.401.993đ. Công ty HS đã thanh toán 130.122.771.782đ, trong đó hợp đồng số 20 đã thanh toán xong là 6.075.000.000đ còn 05 hợp đồng đã thanh toán bằng chuyển khoản và đối trừ công nợ là 124.047.771.782đ. Tuy nhiên quá trình thanh quyết toán, Công ty HS cho rằng đã thanh toán thừa cho Công ty 1 số tiền là 17.117.046.356đ. Ngoài ra, Công ty HS yêu cầu Công ty 1 hoàn trả số tiền bảo hành theo hợp đồng do Công ty 1 không thực hiện bảo hành công trình nên Công ty HS đã phải thuê đơn vị khác bảo hành thay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Công ty TNHH đầu tư BOT B không có lời khai nhưng đã cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ban quản lý dự án đường H không có lời khai nhưng đã cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2021/KDTM - ST ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình quyết định: Áp dụng Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 24, Điều 50, Điều 297, Điều 304, Điều 319 Luật Thương mại năm 2005; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 280 và Điều 433 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần V về việc yêu cầu Công ty Cổ phần HS thanh toán số tiền là 14.985.294.357đ và lãi suất phát sinh là 7.252.684.787đ. Tổng cộng là 22.237.979.144đ. Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, Công ty cổ phần V kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ, toàn diện phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Sai sót trong việc đánh giá và thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến các hợp đồng kinh tế đã ký kết; Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu quan hệ pháp luật tranh chấp dẫn tới nhận định sơ sài, không xem xét đầy đủ, toàn diện yêu cầu khởi kiện của Công ty 1; không xem xét về tranh chấp khối lượng thi công tại hợp đồng số 1002 cũng như không xem xét đến tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của Công ty 1, Tòa án cấp sơ thẩm

trong quá trình giải quyết vụ án đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cũng như nội dung vụ án, chưa điều tra xác minh đầy đủ mà tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, giao lại cho Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

##### **[1]. Về tố tụng:**

[1.1]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp giữa Công ty 1 và Công ty HS là tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng. Tuy nhiên khi xác định cụ thể loại tranh chấp, cấp sơ thẩm xác định về việc yêu cầu thanh toán tiền là không đúng bởi căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng giữa Công ty 1 và Công ty HS tranh chấp với nhau về các hợp đồng kinh tế, các hợp đồng này đều chưa được thanh lý, giữa các bên còn tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán (hợp đồng số 252 và số 22), khối lượng công việc (hợp đồng số 1002) cũng như đơn giá để thanh toán (hợp đồng số 15 và số 112). Do vậy cần xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp Hợp đồng mua bán, hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng và Hợp đồng thi công theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Do xác định quan hệ pháp luật không đúng nên tại phần nhận định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hai bên đương sự chỉ tranh chấp về đơn giá (hợp đồng số 15 và số 112) còn 04 hợp đồng (số 22, số 1002, số 252, số 20) không tranh chấp là không đúng. Vì trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đều căn cứ vào 05 hợp đồng (số 112, số 15, số 252, số 1002 và số 22) để khởi kiện yêu cầu Công ty HS trả số tiền 14.985.294.357đ và khoản tiền lãi do chậm thanh toán. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét, đánh giá hai hợp đồng (số 15 và số 112) là vi phạm phạm vi đơn khởi kiện, vi phạm về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

##### **[1.3]. Đối với tư cách tham gia tố tụng:**

Trong hồ sơ vụ án không có ủy quyền của Công ty HS cho bà Vũ Thị H – kế toán của Công ty nhưng cấp sơ thẩm vẫn xác định bà H là người đại diện theo ủy quyền là không đúng. Tại bản án sơ thẩm còn ghi nhầm tên là Nguyễn Thị H.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty HS chứng minh các khoản đã thanh toán cho Công ty 1, trong đó có việc Công ty HS đã trả nợ cho Công ty Đ và Công ty M thay Công ty 1. Mặc dù khoản đối trừ này được hai bên thừa nhận, nhưng căn cứ vào Điều 370 của Bộ luật Dân sự thì Công ty 1 có thể chuyển giao nghĩa vụ (trả nợ) cho Công ty HS nếu được bên có quyền là Công ty Đ, Công ty M đồng ý.

Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án, chỉ có biên bản nhận nợ giữa Công ty 1 và Công ty HS, ngoài ra không có chứng cứ chứng minh cho việc Công ty HS đã trả nợ thay cho Công ty 1 và sự đồng ý của bên có quyền. Do không điều tra làm rõ vấn đề này nên không thể xác định tư cách tham gia tố tụng của hai công ty này trong vụ án.

Về người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Công ty TNHH BOT B và Ban quản lý dự án đường H, Hội đồng xét xử thấy rằng với những tài liệu có trong hồ sơ vụ án không đủ cơ sở để xác định Công ty TNHH BOT B và Ban quản lý dự án là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vụ án. Các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty 1 và Công ty HS liên quan đến việc xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 tại tỉnh Bình Định và Phú Yên thuộc gói thầu số 07, 08 theo hình thức hợp đồng BOT, tuy nhiên theo hồ sơ vụ án thì Công ty 1 ký hợp đồng với Công ty HS với tư cách là doanh nghiệp độc lập không phải với tư cách là nhà thầu với chủ đầu tư hoặc “nhà thầu phụ”.

## **[2]. Về nội dung vụ án:**

Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm:

[2.1]. Hội đồng xét xử xét thấy: Do xác định phạm vi đơn khởi kiện không đúng dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải quyết triệt để nội dung vụ án. Theo nội dung khởi kiện, Công ty 1 căn cứ vào 05 hợp đồng kinh tế để buộc Công ty HS phải thanh toán tổng số tiền là 22.237.979.144đ (trong đó nợ gốc là 14.985.294.357đ và lãi suất phát sinh là 7.252.684.787đ). Như vậy cấp sơ thẩm cần phải điều tra, xác minh làm rõ từng hợp đồng như: Giá trị tạm tính, Giá trị thực tế của hợp đồng, đơn giá thanh toán, khối lượng công việc, số tiền giữa các bên đã thanh toán, số tiền còn phải thanh toán để từ đó mới có căn cứ chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối chiếu 05 hợp đồng thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra, xác minh làm rõ, cụ thể:

[2.1.1]. Hợp đồng kinh tế tranh chấp về đơn giá:

Hợp đồng số 15 về mua bán sản phẩm bê tông nhựa nóng (BTN C12,5 và BTN C19), nhựa MC và nhũ tương. Theo hợp đồng thì đơn giá được quy định **“Đơn giá quyết toán bằng đơn giá dự toán do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt”**. Công ty 1 yêu cầu thanh toán theo đơn giá dự toán do Công ty TNHH BOT B ban hành, Công ty HS căn cứ vào đơn giá quyết toán của Bộ giao thông vận tải. Tòa án cấp sơ thẩm áp đơn giá quyết toán của Bộ giao thông vận tải để tính nhưng không có căn cứ chứng minh cho việc tại sao áp đơn giá này. Theo Điều 10 của Nghị định số 32/2015/NĐ - CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Điều 12 Nghị định số 59/NĐ - CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, đáng lẽ Tòa án cấp sơ thẩm phải làm rõ công trình xây dựng này sử dụng loại vốn nào theo Điều 60 của Luật xây dựng năm 2014 để từ đó có căn cứ xác định cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đơn giá. Việc xác định cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phê duyệt phải có văn bản tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Theo nội dung của hợp đồng số 15 thì sản phẩm bê tông nhựa nóng có ghi là BTN C12,5 và BTN C19. Nhưng theo hồ sơ tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm thu thập được thì bê tông nhựa C19 và C12,5 có rất nhiều loại như BTN 12,5 thì có loại dày 6cm, 7cm (loại cấp phối TTB) hoặc dày 7cm (cấp phối Hòa Mỹ; BTN C19 dày 07cm (cấp phối TTB hoặc cấp phối Hòa Mỹ). Đơn giá những loại BTN ghi trong các tài liệu này đều không khớp với đơn giá mà Công ty 1 cũng như đơn giá mà Trường phòng kỹ thuật của Công ty TNHH BOT B, Cao Mộng B đưa ra tại biên bản xác minh ngày 03/7/2020. Vấn đề này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ, gây ảnh hưởng quyền lợi của đương sự.

Đối với hợp đồng số 112 về thuê đào nền đá C3: Theo hợp đồng thì “*Đơn giá điều chỉnh theo thời điểm*”. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ biên bản thỏa thuận ngày 23/5/2015 “*Thống nhất Công ty 1 hưởng giá 336.941đ/m<sup>3</sup> (nếu đơn giá trên chưa tính khối lượng bốc xúc lên phương tiện vận chuyển thì yêu cầu tư vấn thiết kế tính bổ sung vào đơn giá thanh toán cho Công ty 1).*” để chấp nhận giá là chưa đủ căn cứ vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra, xác minh làm rõ đơn giá thỏa thuận 336.941đ/m<sup>3</sup> đã có chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển chưa. Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng số 112 được Công ty 1 và Công ty HS ký ngày 01/2/2015 đến ngày 24/4/2015 giữa các bên có biên bản đối chiếu khối lượng và giá trị thực hiện thì đơn giá là 390.799đ/m<sup>3</sup> và trong các ngày tiếp theo ngày 01/5, ngày 09/7, ngày 11/7, ngày 13/7, ngày 14/7 và ngày 03/10/2015 các biên bản đối chiếu khối lượng và giá trị thực hiện thì đơn giá là 745.385đ/ m<sup>3</sup>, Công ty 1 đã xuất hóa đơn và Công ty HS chấp nhận thanh toán tiền theo giá 745.385đ/m<sup>3</sup>. Vậy đơn giá trong biên bản thỏa thuận ngày 23/5/2015 có được áp dụng đối với hợp đồng số 112 hay không, thời điểm theo thỏa thuận tại hợp đồng cũng như thỏa thuận ngày 23/5/2015 được hiểu như thế nào, mâu thuẫn này chưa được làm rõ nên chưa đủ căn cứ để xác định chính xác đơn giá trong hợp đồng, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Ngoài ra, trong hợp đồng số 112 còn thỏa thuận Công ty HS tạm ứng Công ty 1 20 % giá trị hợp đồng là 4.740.258.000đ, nội dung này chưa được cấp sơ thẩm chưa hỏi các bên đương sự cũng như điều tra, xác minh làm rõ.

[2.1.2]. Hợp đồng tranh chấp về khối lượng công việc: Hợp đồng số 1002 về thi công nền đường, công trình trên tuyến và móng mặt đường. Theo hợp đồng thì “*Khối lượng chính thức là khối lượng được Chủ đầu tư, TVGS, BCH công trường xác nhận thanh toán*”. Công ty 1 đang cho rằng khối lượng chính thức theo hợp đồng chưa được tòa án cấp sơ thẩm làm rõ vì một số hạng mục trên thực tế Công ty 1 đã làm như hạng mục phát sinh thuê bãi tập kết vật liệu, đúc cầu kiện, chi phí thuê trạm trộn, phần nền đường thông thường như đào hữu cơ, đào bùn..., phần xử lý mặt đường hư hỏng..., theo Công ty 1 những khối lượng này đã được chủ đầu tư nghiệm thu, được ghi nhận trong hồ sơ quyết toán gói thầu 08 nhưng Công ty HS không chịu đối chiếu xác nhận dẫn đến tranh chấp và khởi kiện tại Tòa. Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu cũng như thu thập, xác minh làm rõ khối lượng thực tế để từ đó có căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1.3]. Hợp đồng tranh chấp về số tiền còn phải thanh toán: Đối với hợp đồng số 252 về cung cấp vật liệu xây dựng phục vụ công trình, Công ty 1 cho rằng Công ty HS còn nợ số tiền của hợp đồng này là 669.154.900đ nhưng Công ty HS cho rằng đã thanh toán thừa 14.318.100đ. Đối với hợp đồng số 22 về mua bán sản phẩm bê tông nhựa C19 và C12,5, Công ty 1 cho rằng Công ty HS còn phải thanh toán là 8.051.949.815đ. Công ty HS cho rằng chỉ còn phải thanh toán là 3.849.213.861đ. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không xem xét 02 hợp đồng này nên đã không đánh giá chứng cứ của các bên đương sự cung cấp, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

[2.2]. Đối với số tiền bảo hành công trình: thời điểm khởi kiện (25/1/2018), thụ lý (ngày 08/3/2018) công trình vẫn đang trong thời gian bảo hành, cấp sơ thẩm không điều tra làm rõ số tiền bảo hành được giữ lại là bao nhiêu, để từ đó có căn cứ xác định nghĩa vụ thanh toán giữa các bên. Thời điểm xét xử (ngày 27/10/2021), thời gian bảo hành công trình đã hết, cấp sơ thẩm xác định Công ty HS không yêu cầu phản tố đối với việc bảo hành công trình nên không xem xét là không đúng. Việc xem xét số tiền bảo hành trong hợp đồng không phải là yêu cầu phản tố vì Bảo hành là một phần của hợp đồng nên cần phải xem xét trong vụ án, để từ đó có căn cứ chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty 1. Do cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật nên khi giải quyết không giải quyết phần này. Trong hồ sơ vụ án, Công ty HS có lời khai Công ty 168 không thực hiện việc bảo hành nên phải thuê công ty khác để sửa chữa khắc phục - Số tiền thuê này sẽ là yêu cầu phản tố nếu Công ty HS có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết trong cùng một vụ án.

Từ những nhận định trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố H để giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

**[3]. Về án phí:** Nguyên đơn không phải nộp án phí phúc thẩm kinh doanh thương mại. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, chi phí thẩm định sẽ được quyết định trong quá trình giải quyết lại vụ án tại cấp sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 308, Điều 310 và khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần V,

Hủy bản án sơ thẩm số 05/2021/KDTM - ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình về yêu cầu thanh toán tiền giữa nguyên đơn Công ty cổ phần V; Bị đơn Công ty cổ phần HS và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH đầu tư BOT B, Ban quản lý dự án đường H.

2. Về chi phí thẩm định, án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần V không phải nộp 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần V 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001541 ngày 12/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, chi phí thẩm định sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại tại cấp sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/4/2022).

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Tùng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Hùng    Nguyễn Quang Tuấn**

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Tùng**